

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 06 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu, phường Trung Văn,

Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

| | |
|-----------------------------------------------------|--------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ | 7 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ | 8 - 41 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|-----------------------|------------|
| Ông Cao Tùng Lâm | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Đức Thắng | Thành viên |
| Ông Trần Huy Tường | Thành viên |
| Ông Đỗ Nguyên An | Thành viên |
| Ông Nguyễn Công Khanh | Thành viên |

Ban kiểm soát

| | |
|---------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thị Lan | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Văn Đức | Thành viên |
| Ông Nguyễn Việt Anh | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|----------------------|-------------------|
| Ông Trần Huy Tường | Tổng Giám đốc |
| Ông Đỗ Việt Anh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Đức Thắng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Thắng Lợi | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đỗ Nguyên An | Phó Tổng Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu, phường Trung Văn,
Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Trần Huy Tường
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 08 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 37.08/2017/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Xây dựng Phục Hưng Holdings

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, được lập ngày 29 tháng 08 năm 2017, từ trang 4 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

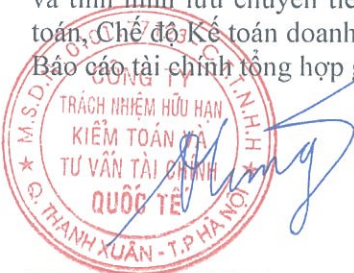
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-1
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 692.887.253.674 | 565.191.742.258 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 73.684.045.936 | 84.817.378.921 |
| 1. Tiền | 111 | | 72.184.045.936 | 78.317.378.921 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 1.500.000.000 | 6.500.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 100.000.000 | 100.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 100.000.000 | 100.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 201.698.682.890 | 136.355.950.229 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 132.318.455.396 | 108.109.325.126 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 49.350.534.782 | 14.331.677.231 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 24.212.722.245 | 18.097.977.405 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (4.183.029.533) | (4.183.029.533) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 391.835.742.495 | 325.469.205.960 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 391.835.742.495 | 325.469.205.960 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 25.568.782.353 | 18.449.207.148 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 25.329.925.420 | 18.228.518.871 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 219.910.095 | 220.688.277 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.16a | 18.946.838 | - |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 234.894.029.836 | 187.596.268.744 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 29.591.361.020 | 19.892.013.849 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 29.318.361.020 | 19.892.013.849 |
| - Nguyên giá | 222 | | 45.770.365.626 | 33.563.678.084 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (16.452.004.606) | (13.671.664.235) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 273.000.000 | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 303.590.000 | 30.590.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (30.590.000) | (30.590.000) |
| II. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 172.753.498.000 | 138.197.228.039 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.11 | 122.728.856.000 | 122.728.856.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.12 | 50.000.000.000 | 15.443.730.039 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.13 | 24.642.000 | 24.642.000 |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 32.549.170.816 | 29.507.026.856 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 32.549.170.816 | 29.507.026.856 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 927.781.283.510 | 752.788.011.002 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN
 Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 746.189.747.295 | 582.822.747.939 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 709.360.717.372 | 563.812.134.164 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14 | 136.649.559.868 | 135.652.680.888 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15 | 87.443.358.603 | 16.944.101.944 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16b | 4.090.423.887 | 18.321.107.894 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1.249.040.386 | 6.773.020.220 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.17 | 325.833.898 | 1.022.954.314 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18 | 20.753.426.168 | 15.232.761.394 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.19 | 457.794.074.562 | 368.810.507.510 |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | 1.055.000.000 | 1.055.000.000 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 36.829.029.923 | 19.010.613.775 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.20 | 36.829.029.923 | 19.010.613.775 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 181.591.536.215 | 169.965.263.063 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.21 | 181.591.536.215 | 169.965.263.063 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 109.999.770.000 | 109.999.770.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 109.999.770.000 | 109.999.770.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 37.003.630.630 | 36.600.598.130 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 3.646.387.132 | 2.760.186.044 |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | (1.046.567.500) |
| 5. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 4.813.455.723 | 3.927.254.635 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 26.128.292.730 | 17.724.021.754 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 15.467.174.326 | 17.724.021.754 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 10.661.118.404 | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 927.781.283.510 | 752.788.011.002 |



Trần Thị Phương Hiền
 Người lập biểu
 Ngày 29 tháng 08 năm 2017



Ngô Thị Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng




Trần Huy Tường
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

MÃ SỐ B 02a-DN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 670.693.097.594 | 368.251.647.420 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.1 | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 670.693.097.594 | 368.251.647.420 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 624.990.560.329 | 344.814.752.664 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 45.702.537.265 | 23.436.894.756 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1.485.496.853 | 5.551.485.867 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 17.820.404.955 | 8.532.794.352 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 17.351.329.001 | 8.175.911.244 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | 16.233.168.211 | 13.643.435.463 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 13.134.460.952 | 6.812.150.808 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.5 | 3.118.167.722 | 1.777.196.781 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.6 | 2.914.217.347 | 2.136.499.934 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 203.950.375 | (359.303.153) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 13.338.411.327 | 6.452.847.655 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.7 | 2.677.292.923 | 540.370.313 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 10.661.118.404 | 5.912.477.342 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | - | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8 | - | - |


Trần Thị Phương Hiền
Người lập biểu
Ngày 29 tháng 08 năm 2017


Ngô Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Trần Huy Tường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 03a-DN
 Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 |
|---------------------------------------------------------------------------|-------|---------------------------------|---------------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | 13.338.411.327 | 6.452.847.655 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 2.780.340.371 | 1.620.317.465 |
| Các khoản dự phòng | 03 | - | (60.641.870) |
| (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (1.485.496.853) | (5.805.449.413) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 17.351.329.001 | 8.175.911.244 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 08 | 31.984.583.846 | 10.382.985.081 |
| (Tăng)/Giảm các khoản phải thu | 09 | (65.360.901.317) | 16.883.627.908 |
| (Tăng)/Giảm hàng tồn kho | 10 | (66.366.536.535) | (67.393.231.993) |
| Tăng/(Giảm) các khoản phải trả | 11 | 59.065.247.607 | 38.434.999.262 |
| (Tăng)/Giảm chi phí trả trước | 12 | (10.143.550.509) | 2.947.702.090 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (17.351.329.001) | (8.175.911.244) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (2.290.044.604) | (1.711.336.475) |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (3.098.014.397) | (622.862.043) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 20 | (73.560.544.910) | (9.254.027.414) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHĐ khác | 21 | (12.479.687.542) | (3.277.680.891) |
| 2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | - | 415.000.000 |
| 3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 25 | (34.556.269.961) | (6.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 26 | - | 700.000.000 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 1.485.496.853 | 1.763.597.319 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (45.550.460.650) | (6.399.083.572) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH | 31 | 1.449.600.000 | - |
| 2. Tiền thu từ đi vay | 33 | 574.277.074.963 | 374.461.882.366 |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (467.475.091.763) | (348.415.065.304) |
| 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (273.910.625) | (11.599.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 107.977.672.575 | 26.035.217.562 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (11.133.332.985) | 10.382.106.576 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 84.817.378.921 | 35.783.584.071 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 73.684.045.936 | 46.165.690.647 |



Trần Thị Phương Hiền
 Người lập biểu
 Ngày 29 tháng 08 năm 2017



Ngô Thị Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng




Trần Huy Tường
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2002.

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phục Hưng Holdings hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2001.

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần mã số doanh nghiệp là 0101311315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010 và các lần sửa đổi.

Ngày 05 tháng 11 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu PHC.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101311315 thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 05 năm 2016, vốn pháp định của Công ty là 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng chẵn) và vốn điều lệ của Công ty là 109.999.770.000 đồng (Một trăm linh chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn). Tổng số cổ phần tương ứng là 10.999.977 cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2017, Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings có tất cả 03 chi nhánh, 04 công ty con. Cụ thể bao gồm:

Các chi nhánh:

- Chi nhánh Miền Nam tại số 680, Trương Công Định, phường Nguyễn Ninh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại Tầng 4, Tòa nhà Me Kong Tower, số 235-237, 239-241 đường Cộng Hòa, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Thăng Long tại Tháp B, phòng 1912, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Các Công ty con

- Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 3;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7;
- Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng số 8; và
- Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh rượu, bia, nước giải khát, thực phẩm;
 - Sản xuất và kinh doanh trang thiết bị nội thất và thủ công mỹ nghệ;
 - Vận chuyển, xử lý, chế biến nước thải và rác thải;
 - Thiết kế công trình (thiết kế tổng mặt bằng, kết cấu: đối với các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, văn hóa thể thao, phần bao che công trình điện năng, thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, dầu khí (kho trạm); công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
 - Khoan khảo sát địa chất và xử lý nền móng công trình;
 - Dịch vụ lao động (không bao gồm xuất khẩu lao động);
 - Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
 - Buôn bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành hệ thống điều hòa không khí, điện lạnh;
 - Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải; kinh doanh phát triển nhà;
 - Xây dựng trong lĩnh vực bưu chính viễn thông;
 - Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110KV;
 - Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép;
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Đào tạo ngoại ngữ;
 - Tư vấn, giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
 - Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
 - Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
 - Trang trí nội, ngoại thất; và
 - Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng (chủ yếu là thi công các công trình si lô, ống khói bằng công nghệ ván khuôn trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực).
- (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh ngành nghề xây dựng khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)

Trong 6 tháng đầu năm 2017, hoạt động chính của Công ty là thi công các công trình dân dụng và công nghiệp, phát triển dự án.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

TRÁC
KI
TU
3/2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU B 09a - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

Các khoản nợ phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

17
ÔN
NH
M
AN
QU
17

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MÃU B 09a - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|-------------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị | 03 - 06 |
| Phương tiện vận tải | 03 - 06 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 03 - 05 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian hữu dụng là 03 năm.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính khác bao gồm một số khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Do đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí thuê văn phòng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm. Chi phí thuê văn phòng được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng cho thuê văn phòng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU B 09a - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU B 09a - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Tại thời điểm lập báo cáo, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 4.389.772.801 | 4.615.904.704 |
| Tiền gửi ngân hàng | 67.794.273.135 | 73.701.474.217 |
| Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng | 1.500.000.000 | 6.500.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Quân đội (i) | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | - | 5.000.000.000 |
| Cộng | 73.684.045.936 | 84.817.378.921 |

(i) Khoản tiền gửi tại ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 236.16.051.642224.TG ngày 23 tháng 11 năm 2016. Lãi suất áp dụng là 4,8%/năm. Tại ngày đáo hạn, nếu Công ty không tái toán tài khoản thì sẽ tự động gia hạn với kỳ hạn 3 tháng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch có trị giá 100.000.000 đồng, lãi suất áp dụng là 5,3%/năm. Số dư khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 100.000.000 đồng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|-----------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Xây lắp điện I (PCCI) | 7.291.836.918 | 40.193.551.583 |
| Công ty CP Tasco | 14.735.279.361 | 10.169.243.347 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp dầu khí IMICO | 13.844.263.372 | 13.844.263.372 |
| Công ty Cổ phần thực phẩm sữa TH | 10.059.684.920 | 10.442.575.569 |
| Công ty Cổ phần TM Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn | 8.687.884.391 | 2.483.981.107 |
| Các đối tượng khác | 77.699.506.434 | 30.975.710.148 |
| Cộng | 132.318.455.396 | 108.109.325.126 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a. Trả trước người bán ngắn hạn | | |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng số 8 | 37.541.094.015 | 7.625.582.221 |
| Công ty TNHH First Choice System | 3.307.621.025 | 1.279.103.919 |
| Các đối tượng khác | 8.501.819.742 | 5.426.991.091 |
| Cộng | 49.350.534.782 | 14.331.677.231 |
| b. Trả trước người bán với bên liên quan | 37.541.094.015 | 7.625.582.221 |
| <i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VII.2)</i> | | |

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a. Phải thu ngắn hạn khác | | |
| Công ty CP Cơ giới và Xây dựng Thăng Long (*) | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Công ty CP Xây dựng số 6 Thăng Long (*) | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7 | 1.200.000.000 | 1.200.000.000 |
| Công ty CP Xây dựng Phục Hưng 3 | 550.000.000 | 550.000.000 |
| Phải thu các cá nhân khác | 2.860.790.829 | 2.284.258.846 |
| Tạm ứng | 15.101.931.416 | 9.563.718.559 |
| Cộng | 24.212.722.245 | 18.097.977.405 |
| b. Phải thu ngắn hạn là bên liên quan | 1.750.000.000 | 1.750.000.000 |
| <i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VII.2)</i> | | |

(*) Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings góp vốn bằng tiền vào Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long và Công ty Cổ phần Xây dựng số 6 Thăng Long lần lượt theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 99/HĐHTĐT và số 103/HĐHTĐT về việc đầu tư xây dựng khu nhà ở thấp tầng, chung cư cao tầng và dịch vụ tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu
Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

MẪU B 09a - DN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****6. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

| | 30/06/2017 | | 01/01/2017 | |
|----------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------------------|-----------------------|
| | Giá trị ghi số VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Giá trị ghi số VND |
| Công ty Cổ phần Tiềm Năng | 409.412.885 | 409.412.885 | 409.412.885 | 409.412.885 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn | 2.483.981.107 | 1.000.000.000 | 2.483.981.107 | 1.000.000.000 |
| Công ty Xây dựng công trình 585 | 900.436.693 | 900.436.693 | 900.436.693 | 900.436.693 |
| Công ty Xây lắp Hóa chất H36 | 829.738.385 | 580.816.870 | 829.738.385 | 580.816.870 |
| Công ty CP Thương mại và Dịch vụ du lịch Sông Hương | 300.000.000 | 300.000.000 | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Công ty Xây dựng 201 | 281.467.000 | 281.467.000 | 281.467.000 | 281.467.000 |
| Các đối tượng khác | 710.896.085 | 710.896.085 | 710.896.085 | 710.896.085 |
| Cộng | 5.915.932.155 | 4.183.029.533 | 5.915.932.155 | 4.183.029.533 |
| | | | | 5.915.932.155 |

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các Công nợ phải thu quá hạn thanh toán theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2017, Công ty xác định vẫn có thể thu hồi được các khoản phải thu này, do đó giá trị có thể thu hồi được trình bày bằng với giá trị ghi số của các khoản phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu
 Phường Trưng Vãn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
 ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

MÁU B 09a - DN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****7. Hàng tồn kho**

| | 30/06/2017 | | 01/01/2017 | |
|------------------------------------------|------------------------|-----------------|------------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 985.313.444 | - | 108.149.622 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 614.035.017 | - | 8.656.299.617 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*) | 385.912.406.437 | - | 307.781.343.730 | - |
| Hàng hoá | 4.323.987.597 | - | 8.923.412.991 | - |
| Cộng | 391.835.742.495 | - | 325.469.205.960 | - |

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các Công trình Xây lắp do Công ty đang thực hiện như sau:

| | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|---------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Nhà ở Cán bộ chiến sỹ Cục cảnh sát kinh tế - Bộ Công an | 38.517.506.846 | 15.821.395.807 |
| Chung cư cao tầng CT1 Gamuda | 29.298.390.645 | - |
| Tổ hợp Mỹ đình Pearl - Phần móng | 25.716.738.779 | 14.122.580.906 |
| Tổ hợp Mỹ đình Pearl - Phần thân | 18.272.877.443 | - |
| Nhà Liên kết loại nhỏ (ST3) - Gamuda | - | 13.566.024.491 |
| Công trình Chung cư Đại Kim | - | 19.725.642.789 |
| Các Dự án khác | 274.106.892.724 | 244.545.699.737 |
| Cộng | 385.912.406.437 | 307.781.343.730 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. Chi phí trả trước

| | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|-----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 24.156.434.512 | 18.228.518.871 |
| Chi phí thuê xe ô tô | 109.090.908 | - |
| Chi phí thuê mặt bằng sàn VP tầng 1- Tháp A | 1.064.400.000 | - |
| Cộng | 25.329.925.420 | 18.228.518.871 |
| b) Dài hạn | | |
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 28.151.450.983 | 25.047.880.788 |
| Chi phí thuê văn phòng HH2 (i) | 2.584.322.105 | 2.621.407.433 |
| Chi phí thuê sân thương mại tầng 5 - CT2 (ii) | 1.813.397.728 | 1.837.738.635 |
| Cộng | 32.549.170.816 | 29.507.026.856 |

- (i) Công ty thuê 523 m² văn phòng tại tầng 3 Tòa nhà HH2, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP. Hà Nội theo Hợp đồng thuê văn phòng số 25/HDTN ngày 22 tháng 06 năm 2006.
- (ii) Công ty thuê mặt bằng sàn tầng 5 Tòa nhà The Light theo hợp đồng thuê mặt bằng số 02/HĐKT/CT2/2014 ngày 18 tháng 07 năm 2014.

01/07/2017
 CH
 KIẾP
 S V
 H

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu
Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

MẤU B 09a - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**9. Tài sản cố định hữu hình**

| | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị dụng cụ quản lý VND | Tài sản | |
|-------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------|-----------------------|
| | | | | khác VND | Tổng VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 24.231.090.235 | 5.513.012.374 | 3.647.211.839 | 172.363.636 | 33.563.678.084 |
| Mua trong kỳ | 8.124.700.000 | 3.669.025.454 | - | 412.962.088 | 12.206.687.542 |
| Tại ngày 30/06/2017 | 32.355.790.235 | 9.182.037.828 | 3.647.211.839 | 585.325.724 | 45.770.365.626 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 7.202.475.050 | 4.346.322.626 | 1.970.976.407 | 151.890.152 | 13.671.664.235 |
| Khấu hao trong kỳ | 2.055.413.720 | 511.467.350 | 25.344.073 | 188.115.228 | 2.780.340.371 |
| Tại ngày 30/06/2017 | 9.257.888.770 | 4.857.789.976 | 1.996.320.480 | 340.005.380 | 16.452.004.606 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 17.028.615.185 | 1.166.689.748 | 1.676.235.432 | 20.473.484 | 19.892.013.849 |
| Tại ngày 30/06/2017 | 23.097.901.465 | 4.324.247.852 | 1.650.891.359 | 245.320.344 | 29.318.361.020 |

Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 5.317.949.124 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 5.317.949.124 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản mang đi cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 15.555.250.722 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 11.054.083.415 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

10. Tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm máy tính VND | Cộng VND |
|------------------------|-----------------------------|--------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 30.590.000 | 30.590.000 |
| Mua trong kỳ | 273.000.000 | 273.000.000 |
| Tại ngày 30/06/2017 | 303.590.000 | 303.590.000 |
| HAO MÒN LŨY KẾ | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 30.590.000 | 30.590.000 |
| Tại ngày 30/06/2017 | 30.590.000 | 30.590.000 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | - | - |
| Tại ngày 30/06/2017 | 273.000.000 | 273.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS
Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu
Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

11. Đầu tư vào công ty con

| | 30/06/2017 | | 01/01/2017 | | | | | |
|-------------------------------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------|----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------|
| | Số lượng cổ phiếu | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND | Số lượng cổ phiếu | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND |
| Công ty CP Xây dựng Phục Hưng 3 (*) | 550.000 | 5.775.000.000 | (**) | - | 550.000 | 5.775.000.000 | (**) | - |
| Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7 | 800.000 | 8.000.000.000 | (**) | - | 800.000 | 8.000.000.000 | (**) | - |
| Công ty CP Xây dựng Phục Hưng số 8 | 650.000 | 6.500.000.000 | (**) | - | 650.000 | 6.500.000.000 | (**) | - |
| Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng | | 102.453.856.000 | (**) | - | | 102.453.856.000 | (**) | - |
| Cộng | | 122.728.856.000 | | | | 122.728.856.000 | | |

(*) Tổng giá trị góp vốn vào Công ty Xây dựng Phục Hưng 3 là 5.775.000.000 đồng. Trong đó giá trị vốn góp vào vốn chủ sở hữu là 5.500.000.000 đồng và giá trị thặng dư là 275.000.000 đồng.

(**) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ vì cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do đó, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS
Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu
Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

MẪU B 09a - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

11. Đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty con:

| STT | Tên công ty con | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết | Hoạt động chính |
|-----|----------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Công ty CP Xây dựng Phục Hưng 3 | Hà Nội | 55,00% | Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt cấu kiện thép... |
| 2 | Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7 | Hà Nội | 40,00% | Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật, hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép; Xây dựng trong lĩnh vực bưu chính viễn thông; thi công lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; xử lý nước thải; xử lý nền móng công trình... |
| 3 | Công ty CP Xây dựng Phục Hưng số 8 | Hà Nội | 65,00% | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, hoàn thiện công trình xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; buôn bán vật liệu và thiết bị lắp đặt trong xây dựng,... |
| 4 | Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng | Hà Nội | 100,00% | Xây dựng nhà các loại, công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác, hoàn thiện công trình đã xây dựng và chuyên dụng khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; kinh doanh dịch vụ bất động sản... |

Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7, và theo đó Công ty không nắm giữ được hơn 50% quyền biểu quyết, nhưng theo Điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7, Công ty được quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Do đó, Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7 vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty và được trình bày là công ty con của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS
Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu
Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MÃUB 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

| | 30/06/2017 | | 01/01/2017 | |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND |
| Công ty Cổ phần nhà Mỹ Xuân | 50.000.000.000 | (*) | - | 15.443.730.039 |
| Cộng | 50.000.000.000 | - | - | 15.443.730.039 |

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ vì cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do đó, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Chi tiết khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân như sau:

| STT | Tên công ty liên kết | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ | Hoạt động chính |
|-----|-----------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần nhà Mỹ Xuân | Hà Nội | 25,00% | Kinh doanh nhà ở, đầu tư cơ sở hạ tầng để bán, kinh doanh bất động sản |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tô Hữu
Phường Trung Vãn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẤU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

| | 30/06/2017 | | 01/01/2017 | |
|----------------------------------------------|----------------------|-------------------|-----------------|-------------------|
| | Số lượng cổ phiếu | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 1.332 | 24.642.000 | - | 24.642.000 |
| Cộng | | 24.642.000 | | 24.642.000 |

14. Phải trả người bán ngắn hạn

| | 30/06/2017 | | 01/01/2017 | |
|---------------------------------------------|------------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn | | | | |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 3 | 18.635.018.552 | 18.635.018.552 | 22.407.532.694 | 22.407.532.694 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7 | 16.734.728.184 | 16.734.728.184 | 60.492.945.687 | 60.492.945.687 |
| Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng | 23.747.077.214 | 23.747.077.214 | 39.318.327.855 | 39.318.327.855 |
| Các đối tượng khác | 77.532.735.918 | 77.532.735.918 | 13.433.874.652 | 13.433.874.652 |
| Cộng | 136.649.559.868 | 136.649.559.868 | 135.652.680.888 | 135.652.680.888 |
| b) Phải trả người bán là các bên liên quan | 59.116.823.950 | 59.116.823.950 | 122.218.806.236 | 122.218.806.236 |

(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VII.2)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT12 (The Light), đường Tố Hữu
Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

MẪU B 09a - DN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****15. Người mua trả trước ngắn hạn**

| | 30/06/2017 | | 01/01/2017 | |
|-----------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Công ty TNHH Gamuda Land Việt Nam | 65.245.925.158 | 65.245.925.158 | - | - |
| Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trung Yên | 8.174.253.384 | 8.174.253.384 | - | - |
| Công ty CP DV Suất ăn hàng không Việt nam | 4.051.266.728 | 4.051.266.728 | - | - |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam - SSG | - | - | 10.442.881.818 | 10.442.881.818 |
| Công ty TNHH nước và vệ sinh môi trường Việt Nam | 9.971.913.333 | - | 331.259.200 | 331.259.200 |
| Các đối tượng khác | 9.971.913.333 | 9.971.913.333 | 6.169.960.926 | 6.169.960.926 |
| Cộng | 87.443.358.603 | 87.443.358.603 | 16.944.101.944 | 16.944.101.944 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚC HƯNG HOLDINGS
Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tô Hữu
Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

MÁU B 09a - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 30/06/2017 | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | 01/01/2017 |
|--------------------------------------|----------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| a. Các khoản phải thu | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | 10.790.583 | 874.458.291 | 885.248.874 | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 8.156.255 | 45.517.978 | 53.674.233 | - |
| Cộng | 18.946.838 | 919.976.269 | 938.923.107 | - |
| b. Các khoản phải trả | | | | |
| Thuế Giá trị gia tăng phải nộp | 2.850.386.027 | 69.689.222.100 | 83.636.061.053 | 16.797.224.980 |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 1.034.344.092 | 2.677.292.923 | 2.290.044.604 | 647.095.773 |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 205.693.768 | 565.284.264 | 1.236.377.637 | 876.787.141 |
| Các loại thuế khác | - | 6.637.004 | 6.637.004 | - |
| Cộng | 4.090.423.887 | 72.938.436.291 | 87.169.120.298 | 18.321.107.894 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|---------------------------------------------|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí trích trước chi phí chưa có hóa đơn | 325.833.898 | 1.022.954.314 |
| Cộng | 325.833.898 | 1.022.954.314 |

18. Phải trả ngắn hạn khác

| | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Kinh phí công đoàn | 942.860.896 | 747.518.695 |
| Bảo hiểm xã hội | 685.148.033 | 559.230.638 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 211.817.520 | 485.728.145 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 18.913.599.719 | 13.440.283.916 |
| Cộng | 20.753.426.168 | 15.232.761.394 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS
Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu
Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

19. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

| | 30/06/2017 | | Trong kỳ | | 01/01/2017 | |
|--------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Vay ngắn hạn | 446.081.961.931 | 446.081.961.931 | 542.079.524.316 | 458.522.069.391 | 362.524.507.006 | 362.524.507.006 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 441.370.230.130 | 441.370.230.130 | 534.129.338.723 | 448.974.646.924 | 356.215.538.331 | 356.215.538.331 |
| Chi nhánh Đông Đô (i) | | | | | | |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ (ii) | 3.891.431.801 | 3.891.431.801 | 7.950.185.593 | 9.547.422.467 | 5.488.668.675 | 5.488.668.675 |
| Các khoản vay cá nhân (iii) | 820.300.000 | 820.300.000 | | | 820.300.000 | 820.300.000 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh V.20) | 11.712.112.631 | 11.712.112.631 | | | 6.286.000.504 | 6.286.000.504 |
| Cộng | 457.794.074.562 | 457.794.074.562 | | | 368.810.507.510 | 368.810.507.510 |

(i) Hợp đồng số 01/2016/36032/HĐTD ngày 29 tháng 06 năm 2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 30 tháng 11 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô. Ngân hàng cấp cho bên vay hạn mức thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền là 1.294,8 tỷ đồng, trong đó: hạn mức cho vay ngắn hạn và mở LC là 449,8 tỷ đồng; hạn mức bảo lãnh là 845 tỷ đồng (trong đó giá trị bảo lãnh thanh toán tối đa tại mọi thời điểm là 33,334 tỷ đồng). Công ty vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2017. Công ty sử dụng máy móc, phương tiện vận tải...thuộc sở hữu của công ty hoặc của bên thứ ba để đảm bảo cho khoản vay trên. Lãi suất áp dụng theo lãi suất từng kỳ của ngân hàng.

(ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 42646.16.051.642224.TD ngày 10 tháng 08 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ. Hạn mức tín dụng quy định trên hợp đồng là 50 tỷ đồng. Hạn mức bảo lãnh là 70 tỷ đồng. Công ty vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp. Thời hạn cấp tín dụng đến ngày 09 tháng 08 năm 2017. Công ty sử dụng tài sản để đảm bảo cho khoản vay này gồm: tiền ký quỹ tại MB, hợp đồng tiền gửi,...bất động sản và động sản. Lãi suất áp dụng là lãi suất khoán, lãi suất này áp dụng đối với các khoản tín dụng theo hình thức cho vay: Lãi suất, ngày điều chỉnh lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ của công ty với Ngân hàng.

{ii} Khoản vay các cá nhân theo các hợp đồng vay vốn có thời hạn không quá 12 tháng, với lãi suất từng hợp đồng dao động từ 8%/năm đến 8,5%/năm hoặc biến động theo sự thỏa thuận của hai bên trong từng thời kỳ. Các hợp đồng vay vốn cá nhân không quy định tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGSTầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu
Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2017**MẪU B 09a - DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

| | 30/06/2017 | | Trong kỳ | | 01/01/2017 | |
|------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Vay dài hạn | | | | | | |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 32.582.347.253 | 32.582.347.253 | 16.176.072.014 | 8.890.339.040 | 25.296.614.279 | 25.296.614.279 |
| Chi nhánh Đông Đô {i} | | | | | | |
| Ngân hàng TNHH một thành viên Public Việt Nam - CN Hà Nội {ii} | 14.067.675.301 | 14.067.675.301 | 14.130.358.633 | 62.683.332 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ {iii} | 1.891.120.000 | 1.891.120.000 | 1.891.120.000 | - | - | - |
| Cộng | 48.541.142.554 | 48.541.142.554 | 32.197.550.647 | 8.953.022.372 | 25.296.614.279 | 25.296.614.279 |
| Trừ: nợ dài hạn đến hạn trả | 11.712.112.631 | 11.712.112.631 | | | 6.286.000.504 | 6.286.000.504 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 8.507.816.904 | (8.507.816.904) | | | 6.286.000.504 | 6.286.000.504 |
| Chi nhánh Đông Đô | | | | | | |
| Ngân hàng TNHH một thành viên Public Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội | 2.826.071.727 | (2.826.071.727) | | | - | - |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ | 378.224.000 | (378.224.000) | | | - | - |
| Cộng các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 36.829.029.923 | 36.829.029.923 | | | 19.010.613.775 | 19.010.613.775 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | 30/06/2017 | 01/01/2016 |
|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 11.712.112.631 | 6.286.000.504 |
| Trong năm thứ hai | 10.295.247.431 | 5.697.860.504 |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm | 26.533.782.492 | 13.312.753.271 |
| Cộng | <u>48.541.142.554</u> | <u>25.296.614.279</u> |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn) | <u>11.712.112.631</u> | <u>6.286.000.504</u> |
| Số phải trả sau 12 tháng | <u>36.829.029.923</u> | <u>19.010.613.775</u> |

{i} Các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2015/36032/HĐTD ngày 31 tháng 07 năm 2015, số tiền vay trên hợp đồng: 3.500.000.000 đồng, số dư gốc vay tại 30 tháng 06 năm 2017 là 1.163.860.000 đồng. Lãi suất cho vay trong hạn là 11%/năm, điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Công ty vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay trị giá 225.848 USD
- Hợp đồng tín dụng số 02/2015/36032/HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2015, số tiền vay trên hợp đồng: 2.400.000.000 đồng, số dư gốc vay tại 30 tháng 06 năm 2017 là 1.586.787.940 đồng. Công ty vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay trị giá 125.460 USD để đảm bảo cho khoản vay. Lãi suất áp dụng theo lãi suất từng thời kỳ của ngân hàng.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2016/36032/HĐTD ngày 01 tháng 04 năm 2016, số tiền vay trên hợp đồng: 11.200.000.000 đồng, số dư gốc vay tại 30 tháng 06 năm 2017 là 4.104.483.705 đồng; lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến 01 tháng 07 năm 2016 là 9,5%/năm. Công ty vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay trị giá 712.029,18 USD.
- Hợp đồng tín dụng số 02/2016/36032/HĐTD ngày 14 tháng 06 năm 2016, số tiền vay trên hợp đồng: 1.749.359.920 đồng, số dư gốc vay tại 30 tháng 06 năm 2017 là 944.655.952 đồng. Lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến 30 tháng 06 năm 2017 là 10%/năm. Công ty vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay trị giá 2.726.275.200 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 05/2016/36032/HĐTD ngày 01 tháng 09 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô. Số tiền vay trên hợp đồng: 1.100.000.000 đồng, số dư gốc vay tại 30 tháng 06 năm 2017 là 935.000.000 đồng. Lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến 30 tháng 06 năm 2016 là 10%/năm. Công ty vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay trị giá 1.605.886.500 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

- Hợp đồng tín dụng số 07/2016/36032/HĐTĐ ngày 26 tháng 10 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô. Số tiền vay trên hợp đồng: 740.402.520 đồng, số dư gốc vay tại 30 tháng 06 năm 2017 là 629.342.142 đồng. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/ lần vào ngày đầu tiên của quý I và quý III hàng năm, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến 31 tháng 12 năm 2016 là 10%/năm. Công ty sử dụng tiền vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên.
- Hợp đồng tín dụng số 10/2016/36032/HĐTĐ ngày 14 tháng 12 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô. Số tiền vay trên hợp đồng: 2.766.000.000 đồng, số dư gốc vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 2.432.156.400 đồng; lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/1 lần vào ngày đầu tiên của quý I và quý III hàng năm, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến 31 tháng 12 năm 2016 là 10%/năm. Trả nợ gốc theo lịch 3 tháng/lần. Công ty sử dụng tiền vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên.
- Hợp đồng tín dụng số 07/2016/36032/HĐTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô. Số tiền vay trên hợp đồng: 1.700.000.000 đồng, số dư gốc vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là: 1.615.000.000 đồng; lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/1 lần vào ngày đầu tiên của quý I và quý III hàng năm, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến 31 tháng 12 năm 2016 là 10%/năm. Trả nợ gốc theo lịch 3 tháng/lần. Công ty sử dụng tiền vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên.
- Hợp đồng tín dụng số 11/2016/36032/HĐTĐ ngày 14 tháng 12 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô. Số tiền vay trên hợp đồng: 2.530.053.000 đồng, số dư gốc vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 2.114.440.600 đồng; lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/1 lần vào ngày đầu tiên của quý I và quý III hàng năm, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến 30 tháng 06 năm 2017: 10%/năm. Trả nợ gốc theo lịch 3 tháng/lần. Công ty sử dụng tiền vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên.
- Hợp đồng tín dụng số 08/2016/36032/HĐTĐ ngày 14 tháng 09 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô. Số tiền vay trên hợp đồng: 1.500.000.000 đồng, số dư gốc vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 1.424.999.839 đồng; lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/1 lần vào ngày đầu tiên của quý I và quý III hàng năm, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến 31 tháng 12 năm 2016 là 10%/năm. Trả nợ gốc theo lịch 3 tháng/lần. Công ty sử dụng tiền vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên.
- Hợp đồng tín dụng số 09/2016/36032/HĐTĐ ngày 20 tháng 09 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô. Số tiền vay trên hợp đồng: 5.800.000.000 đồng, số dư gốc vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 4.929.999.777 đồng; lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/1 lần vào ngày đầu tiên của quý I và quý III hàng năm, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 10%/năm. Trả nợ gốc theo lịch 3 tháng/lần. Công ty sử dụng tiền vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

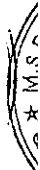
- Hợp đồng tín dụng số 06/2016/36032/HĐTĐ ngày 20 tháng 09 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô. Số tiền vay trên hợp đồng: 2.109.042.672 đồng, số dư gốc vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 2.003.542.672 đồng; lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/ lần vào ngày đầu tiên của quý I và quý III hàng năm, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến 31 tháng 12 năm 2016 là 10%/năm. Trả nợ gốc theo lịch 3 tháng/lần. Công ty sử dụng tiền vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2017/36032/HĐTĐ ngày 13 tháng 02 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô. Số tiền vay trên hợp đồng: 2.530.052.000 đồng, số dư gốc vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 1.012.020.800 đồng; lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 11,2%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/1 lần theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Công ty sử dụng tiền vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 02/2017/36032/HĐTĐ ngày 23 tháng 03 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô. Số tiền vay trên hợp đồng: 6.761.961.540 đồng, số dư gốc vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 6.421.071.426 đồng; lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 11,2%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/1 lần theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Công ty sử dụng tiền vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay.
- {ii} Các khoản vay dài hạn của Ngân hàng TNHH một thành viên Public Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo các Hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số HAN/000083/17 ngày 31 tháng 03 năm 2017 với Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng là 1.526.000.000 đồng; lãi suất 6,99%/năm trong một năm kể từ năm giải ngân lần đầu tiên, lãi suất kể từ năm thứ hai trở đi là 3%/năm+ lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn 12 tháng trả cuối kỳ áp dụng cho cá nhân, lãi suất các khoản vay được điều chỉnh 6 tháng/ lần. Công ty sử dụng tiền vay để tài trợ một phần việc mua ô tô nhãn hiệu FORD EXPLORER LIMITED với giá trị hợp đồng 2.180.000.000 đồng theo "Hợp đồng mua bán" Số: 69-0317-Explorer-TG. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Tài sản đảm bảo là xe ô tô hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số HAN/000083/17.
 - Hợp đồng tín dụng số HAN/000124/17 ngày 13 tháng 06 năm 2017 với Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng là 44.700.000.000 đồng; lãi suất áp dụng là 2%/năm+ lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn 12 tháng trả cuối kỳ áp dụng cho cá nhân, lãi suất các khoản vay được điều chỉnh 6 tháng/ lần. Công ty sử dụng tiền vay để tài trợ một phần việc mua 68 căn hộ tại Khu chung cư The Zen Residence, Dự án CT1 - Gamuda Gardens tại khu đô thị C2 - Gamuda Gardens, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Tài sản đảm bảo là 68 căn hộ được tài trợ và thực hiện bảo lãnh cá nhân của ông Cao Tùng Lâm và ông Trần Huy Tường theo luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000159/17 & HAN/000160/17 ngày 26 tháng 06 năm 2017 với Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng là 1.460.000.000 đồng; lãi suất 6,99%/năm trong một năm kể từ năm giải ngân lần đầu tiên, lãi suất kể từ năm thứ hai trở đi là 3%/năm + lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn 12 tháng trả cuối kỳ áp dụng cho cá nhân, lãi suất các khoản vay được điều chỉnh 6 tháng/l lần. Công ty sử dụng tiền vay nhằm tài trợ một phần việc mua ô tô nhãn hiệu Ford Everest. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Tài sản đảm bảo là xe ô tô được hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số HAN/000129/17 ngày 16 tháng 05 năm 2017 với Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng là 729.000.000 đồng; lãi suất 6,99%/năm trong một năm kể từ năm giải ngân lần đầu tiên, lãi suất kể từ năm thứ hai trở đi là 3%/năm+ lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn 12 tháng trả cuối kỳ áp dụng cho cá nhân lãi suất các khoản vay được điều chỉnh 6 tháng/l lần. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Công ty sử dụng tiền vay nhằm tài trợ một phần việc mua ô tô nhãn hiệu FORD EVEREST với giá trị hợp đồng 1.114.300.000 đồng theo "Hợp đồng mua bán" Số: 750/2017/HĐMB. Tài sản đảm bảo là xe ô tô hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thuê chấp số HAN/000083/17.
- {iii} Hợp đồng vay số 8397.17.051.642224/TD ngày 02 tháng 06 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ, số tiền vay 1.891.120.000 đồng. Lãi suất cho vay tại ngày giải ngân là 9,6%/năm, lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tiết kiệm cư dân kỳ hạn loại trả sau 24 tháng cộng với biên độ lãi suất 2,7%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay. Công ty sử dụng tiền vay để đầu tư 02 vận thăng lồng đôi của hãng Zoomlion. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Máy móc thiết bị hình thành phương án tài trợ theo hợp đồng thuê chấp 103324.17.051.642224.BĐ, bảo lãnh là bên thứ ba hoặc các biện pháp đảm bảo khác. Lãi suất áp dụng là lãi suất khoán, lãi suất này áp dụng đối với các khoản tín dụng theo hình thức cho vay. Lãi suất, ngày điều chỉnh lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ của công ty với Ngân hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚC HƯNG HOLDINGSTầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tô Hữu
Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo***MẪU B 09a - DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | | Thặng dư vốn cổ phần VND | Vốn khác của chủ sở hữu VND | | Cổ phiếu quỹ VND | | Quỹ đầu tư phát triển VND | | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | | Tổng cộng VND |
|------------------------------------|------------------------|----------------|--------------------------|-----------------------------|---------------|------------------|------------------|---------------------------|-----|---------------------------------------|-----|---------------|
| | VND | VND | | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | |
| Số dư tại ngày 01/01/2016 | 109.999.770.000 | 36.600.598.130 | 2.063.367.327 | (1.046.567.500) | 2.533.617.201 | 14.042.021.514 | 164.192.806.672 | | | | | |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 17.724.021.754 | 17.724.021.754 | | | | | |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | 696.818.717 | - | 1.393.637.434 | (2.090.456.151) | - | | | | | |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - | (727.276.060) | (727.276.060) | | | | | |
| Chi thường HĐQT và Ban điều hành | - | - | - | - | - | (334.312.303) | (334.312.303) | | | | | |
| Trả cổ tức | - | - | - | - | - | (10.889.977.000) | (10.889.977.000) | | | | | |
| Số dư tại ngày 31/12/2016 | 109.999.770.000 | 36.600.598.130 | 2.760.186.044 | (1.046.567.500) | 3.927.254.635 | 17.724.021.754 | 169.965.263.063 | | | | | |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | - | - | - | 10.661.118.404 | 10.661.118.404 | | | | | |
| Tái phát hành Cổ phiếu quỹ | - | 403.032.500 | - | 1.046.567.500 | - | - | - | | | | | |
| Phân phối lợi nhuận (*) | - | - | 886.201.088 | - | 886.201.088 | (1.772.402.176) | 1.449.600.000 | | | | | |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*) | - | - | - | - | - | (484.445.252) | (484.445.252) | | | | | |
| Số dư tại ngày 30/06/2017 | 109.999.770.000 | 37.003.630.630 | 3.646.387.132 | - | 4.813.455.723 | 26.128.292.730 | 181.591.536.215 | | | | | |

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01 NQ/2016/PH-DHĐCĐ ngày 22 tháng 03 năm 2017. Theo đó, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau: Thường Hội đồng quản trị và Ban điều hành 30% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch tương đương 67.206.526 đồng; Trích lập bổ sung vốn khác của chủ sở hữu 886.201.088 đồng; Trích Quỹ đầu tư phát triển 886.201.088 đồng; Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi 484.445.252 đồng, chi trả cổ tức bằng tiền mặt 15.399.967.800 đồng. Ngày giao dịch không hưởng quyền trả cổ tức bằng tiền mặt là ngày 03 tháng 07 năm 2017. Theo đó, đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty chưa ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tương ứng với khoản cổ tức sẽ phải trả trong thời gian tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

21. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cổ phiếu

| | <u>30/06/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| | <u>Cổ phiếu</u> | <u>Cổ phiếu</u> |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 10.999.977 | 10.999.977 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 10.939.977 | 10.939.977 |
| - Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu | 60.000 | 60.000 |
| Số lượng cổ phiếu quỹ | - | 110.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | 110.000 |
| - Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 10.999.977 | 10.889.977 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 10.939.977 | 10.829.977 |
| - Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu | 60.000 | 60.000 |

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

Số cổ phần bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu là số cổ phần có nguồn gốc từ việc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (Constrexim Holdings) góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) bằng thương hiệu từ năm 2003.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND |
|--------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Trong đó: | | |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 665.692.495.384 | 363.732.036.855 |
| Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 4.155.499.272 | 4.519.610.565 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản | 845.102.938 | - |
| Cộng | <u><u>670.693.097.594</u></u> | <u><u>368.251.647.420</u></u> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ | <u><u>670.693.097.594</u></u> | <u><u>368.251.647.420</u></u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND |
|-------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| Giá vốn hoạt động xây dựng | 620.896.289.524 | 341.904.235.935 |
| Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị | 3.253.798.383 | 2.910.516.729 |
| Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản | 840.472.422 | - |
| Cộng | <u><u>624.990.560.329</u></u> | <u><u>344.814.752.664</u></u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND |
|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.484.313.653 | 63.597.319 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 1.183.200 | 4.653.888.548 |
| Lãi từ chuyển nhượng quyền nhận cổ tức tại Công ty Cổ phần Kiến trúc Phục Hưng | - | 834.000.000 |
| Cộng | <u><u>1.485.496.853</u></u> | <u><u>5.551.485.867</u></u> |

4. Chi phí tài chính

| | Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND |
|------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| Lãi tiền vay | 17.351.329.001 | 8.175.911.244 |
| Chi phí tài chính khác | 469.075.954 | 356.883.108 |
| Cộng | <u><u>17.820.404.955</u></u> | <u><u>8.532.794.352</u></u> |

17
DN
HH
AT
N1
U0
UA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. Thu nhập khác

| | Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND |
|---------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| Tiền thu từ mua bán vật tư xây dựng | 2.198.613.436 | 253.963.546 |
| Phí sử dụng thương hiệu của các công ty con | 555.084.108 | 140.169.042 |
| Thu từ cho thuê văn phòng | 257.272.727 | - |
| Thu hồi công nợ đã xử lý | - | 819.530.655 |
| Thu từ cho thuê thiết bị | - | 326.430.108 |
| Các khoản khác | 107.197.451 | 237.103.430 |
| Cộng | 3.118.167.722 | 1.777.196.781 |

6. Chi phí khác

| | Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND |
|-------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| Giá vốn bán vật liệu xây dựng | 2.304.183.999 | 1.308.241.380 |
| Cho thuê sàn văn phòng | 42.883.574 | - |
| Lỗ từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC | 27.170.455 | - |
| Chi từ cho thuê thiết bị | - | 246.399.260 |
| Dự phòng bảo hành công trình | - | - |
| Các khoản khác | 539.979.319 | 581.859.294 |
| Cộng | 2.914.217.347 | 2.136.499.934 |

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND |
|-----------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 13.338.411.327 | 6.452.847.655 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 49.236.486 | 1.736.892.458 |
| <i>Chi phí không được trừ</i> | 49.236.486 | 1.736.892.458 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | 1.183.200 | 5.487.888.548 |
| <i>Cổ tức được nhận</i> | 1.183.200 | 5.487.888.548 |
| Thu nhập chịu thuế | 13.386.464.613 | 2.701.851.565 |
| Thuế suất thuế TNDN hiện hành | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập | 2.677.292.923 | 540.370.313 |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | 2.677.292.923 | 540.370.313 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND |
|----------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 323.948.032.122 | 161.018.479.382 |
| Chi phí nhân công | 56.161.300.397 | 10.313.004.810 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.780.340.371 | 1.620.317.465 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 315.472.263.791 | 241.124.516.721 |
| Chi phí khác bằng tiền | 9.228.328.394 | 11.913.314.281 |
| Cộng | 707.590.265.075 | 425.989.632.659 |

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 3
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng số 8
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng
Công ty Cổ phần nhà Mỹ Xuân

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên Quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND |
|---------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| Doanh thu bán hàng | 1.764.807.972 | 10.395.848.600 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 3 | 806.485.031 | 2.621.770.982 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7 | 570.625.376 | 644.851.470 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng số 8 | 351.333.929 | 6.927.115.239 |
| Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng | 36.363.636 | 202.110.909 |
| Mua hàng | 28.592.925.894 | 131.475.235.140 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 3 | 21.373.114.939 | 51.610.742.142 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7 | 3.913.727.797 | 41.131.117.910 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng số 8 | 3.306.083.158 | 36.979.164.793 |
| Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng | | 1.754.210.295 |
| Nhận cổ tức | - | 4.653.888.548 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 3 | - | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7 | - | 1.700.000.000 |
| Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng | - | 2.953.888.548 |

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

| | 30/06/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|---------------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Các khoản phải thu khách hàng | 492.018.440 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng số 8 | 492.018.440 | - |
| Các khoản trả trước cho người bán | 37.541.094.015 | 7.625.582.221 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng số 8 | 37.541.094.015 | 7.625.582.221 |
| Các khoản phải thu khác | 1.750.000.000 | 1.750.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 3 | 550.000.000 | 550.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7 | 1.200.000.000 | 1.200.000.000 |
| Các khoản phải trả người bán | 59.116.823.950 | 122.218.806.236 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 3 | 18.635.018.552 | 22.407.532.694 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7 | 16.734.728.184 | 60.492.945.687 |
| Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng | 23.747.077.214 | 39.318.327.855 |

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

| | Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND |
|--------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| Lương và thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát | 1.161.807.449 | 684.551.613 |
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc | 1.068.449.968 | 851.289.648 |
| Cộng | 2.230.257.417 | 1.535.841.261 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 24/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 06 năm 2017 cho phép Công ty phát hành bổ sung 9.899.979 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty sau đợt phát hành này là 208.999.560.000 đồng, thặng dư vốn cổ phần là 37.791.048.633 đồng, tổng số cổ phiếu đã phát hành là 20.899.956 cổ phiếu. Theo Văn bản số 5745/UBCKNN - QLCB ngày 23 tháng 08 năm 2017, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả phát hành với số lượng cổ phiếu của Công ty đang lưu hành có quyền biểu quyết là 20.899.956 cổ phiếu.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính quốc tế. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính quốc tế.



Trần Thị Phương Hiền
Người lập biểu
Ngày 29 tháng 08 năm 2017



Ngô Thị Minh Nguyệt
Kê toán trưởng



Trần Huy Tường
Tổng Giám đốc